

THÔNG BÁO
Của Hội đồng xét tuyển dụng viên chức khối trực thuộc
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Công văn số 2522/SNV- QLCC ngày 13/11/2015 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc thẩm định Đề án xét tuyển viên chức năm 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 2283/QĐ-SGD&ĐT ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2015.

Hội đồng tuyển dụng viên chức Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình thông báo Danh sách kết quả kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn ngày 23 tháng 01 năm 2016 đến toàn thể các thí sinh tham gia kiểm tra, sát hạch biết (kết quả chi tiết có danh sách kèm theo)./. *Hy*

Nơi nhận:

- Website Sở GD&ĐT;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TCCB (03).

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH



Bùi Trọng Đắc
Bùi Trọng Đắc

11

885



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 01

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chi	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0001	Bùi Tuấn Anh	07/03/1990	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-THPT		6.45	5.75	45	212.00	
2	0002	Nguyễn Thị Phương Anh	16/09/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.47		84	317.40	
3	0003	Trần Thị Lan Anh	07/11/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT	x	6.37		60	247.40	
4	0004	Đình Thanh Cảnh	20/01/1986	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT		5.79	7.00	35	197.90	
5	0005	Nguyễn Xuân Công	22/03/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT		7.37	5.00	40	203.70	
6	0006	Hoàng Mạnh Cường	10/12/1992	Nam	Kinh		ĐH	Toán	TB	GV TOAN-THPT	x	6.85		46	229.00	
7	0007	Trần Thị Dung	01/09/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.27		55	255.40	
8	0008	Đào Thị Kim Duyên	14/05/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.07				Bỏ thi
9	0009	Nguyễn Thị Duyên	26/09/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT		7.49	8.00			Bỏ thi
10	0010	Tổng Thị Thùy Dương	22/04/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT		7.85	10.00	60	298.50	
11	0011	Hồ Hoàng Đức	09/09/1992	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT	x	6.22				Bỏ thi
12	0012	Nguyễn Thị Giang	14/10/1989	Nữ	Kinh		Th.S	LL&PPDH bộ môn		GV TOAN-THPT		7.65	9.00	35	236.50	
13	0013	Trần Thị Thanh Hà	09/10/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Cử nhân Toán	Giỏi	GV TOAN-THPT	x	8.07				Bỏ thi
14	0014	Nguyễn Mạnh Hải	23/12/1987	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán	TBK	GV TOAN-THPT		6.47	7.75	50	242.20	
15	0015	Nguyễn Tuấn Hải	06/11/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT	x	6.03		45	210.60	
16	0016	Quách Thị Hạnh	25/06/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.87		55	267.40	
17	0017	Đình Thị Bích Hiền	26/02/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.54		50	250.80	
18	0018	Bùi Thị Hòa	16/02/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT		7.21	7.50	55	257.10	
19	0019	Lý Thị Hồng	16/08/1993	Nữ	Dao	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.51		20	190.20	
20	0020	Nguyễn Thị Hồng	14/02/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-THPT		6.92	7.25	40	221.70	
21	0021	Nguyễn Thị Huệ	28/01/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.92		45	248.40	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 01

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0022	Bùi Quỳnh Hương	19/06/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	6.96		50	239.20	
23	0023	Đỗ Thị Hường	11/09/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán	Giỏi	GV TOAN-THPT	x	7.92		50	258.40	
24	0024	Hoàng Trung Kiên	24/09/1989	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-THPT		6.52	7.00	70	275.20	
25	0025	Phạm Ngọc Lan	12/03/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT		7.73	8.50	70	302.30	
26	0026	Phạm Thị Lan	31/10/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.88		45	247.60	
27	0027	Đỗ Văn Lễ	05/10/1991	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT		7.63	9.40			Bỏ thi
28	0028	Phạm Thị Lệ	18/06/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT		7.77	10.00	60	297.70	
29	0029	Bạch Khánh Linh	08/12/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.25		85.5	316.00	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 02

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chi	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0030	Bùi Thị Linh	13/07/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.01		30	200.20	
2	0031	Bùi Thị Linh	24/11/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-THPT		6.92	7.75	80	306.70	
3	0032	Đinh Thị Thùy Linh	27/08/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán - Lý	Giỏi	GV TOAN-THPT	x	8.46		70	309.20	
4	0033	Hà Văn Linh	07/05/1990	Nam	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT	x	6.17		40	203.40	
5	0034	Nguyễn Thị Cẩm Linh	16/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-THPT	x	8.24		90	344.80	
6	0035	Trần Hà Linh	01/01/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT		7.73	8.50	90	342.30	
7	0036	Đỗ Thị Khánh Ly	22/03/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.31		52.5	251.20	
8	0037	Dư Thị Thanh Mai	14/09/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Toán - Tin	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.16		60	263.20	
9	0038	Bùi Văn Mạnh	04/12/1990	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.26		85	315.20	
10	0039	Bùi Văn Mùi	08/11/1991	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.10		50	242.00	
11	0040	Chu Thị Thanh Nga	01/05/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-THPT	x	6.94		65	268.80	
12	0041	Vũ Thị Nga	10/06/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT		7.64	10.00	55	286.40	
13	0042	Trần Thị Kim Ngân	07/09/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT		6.98	9.60	70	305.80	
14	0043	Nguyễn Trọng Nghĩa	20/01/1988	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT	x	6.17		40	203.40	
15	0044	Trần Thị Nguyệt	19/02/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT	x	6.20		40	204.00	
16	0045	Bùi Thị Nhân	30/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.94		50	258.80	
17	0046	Bùi Văn Nhật	05/02/1991	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.58		40	231.60	
18	0047	Nguyễn Thị Nhung	10/09/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	6.86		30	197.20	
19	0048	Bùi Thị Kim Oanh	16/04/1993	Nữ	Mường		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.22		75	294.40	
20	0049	Khuất Văn Quang	17/08/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-THPT		6.34	7.50	50	238.40	
21	0050	Trần Thị Quyên	10/10/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-THPT		6.47	8.00	50	244.70	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 02

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chi	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0051	Hà Công Quyền	10/07/1991	Nam	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	6.94		90	318.80	
23	0052	Huỳnh Tiến Quyết	18/10/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT	x	6.81				Bỏ thi
24	0053	Kiều Như Quỳnh	26/11/1989	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT	x	6.20		50	224.00	
25	0054	Kiều Thúy Quỳnh	26/09/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.46		80	309.20	
26	0055	Chu Thị Thanh	20/05/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Toán - Tin ứng dụng	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.17		90	323.40	
27	0056	Bùi Thanh Thảo	06/12/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.47		75	299.40	
28	0057	Nguyễn Thị Thanh Thảo	04/09/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán - Tin	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.60		75	302.00	
29	0058	Phạm Thị Phương Thảo	22/11/1991	Nữ	Kinh	CBB	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	6.88		65	267.60	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chi (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 03

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0059	Bùi Thị Hồng Thắm	06/02/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT		7.25	8.50	50	257.50	
2	0060	Cao Văn Thuật	10/12/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.69		80	313.80	
3	0061	Bùi Thị Thủy	20/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.58				Bỏ thi
4	0062	Chu Thị Thủy	07/01/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT		7.10	9.40	65	295.00	
5	0063	Trần Thị Thu Thủy	18/11/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-THPT		6.26	5.00	50	212.60	
6	0064	Dương Thu Trang	10/09/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.90		90	338.00	
7	0065	Đinh Thị Kiều Trang	19/11/1990	Nữ	Tày	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT	x	6.29		65	255.80	
8	0066	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/09/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT	x	6.45		60	249.00	
9	0067	Nguyễn Thị Trang	12/05/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-THPT		6.09	5.50	65	245.90	
10	0068	Bùi Văn Trường	09/02/1991	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT	x	6.50		65	260.00	
11	0069	Phan Thanh Tú	26/03/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.04				Bỏ thi
12	0070	Bùi Đức Tuấn	07/09/1986	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT		5.79	6.00	40	197.90	
13	0071	Nguyễn Văn Tùng	09/03/1985	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán - Lý	TBK	GV TOAN-THPT		6.23	6.00	70	262.30	
14	0072	Đinh Thị Mỹ Tuyền	02/08/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán - Lý	Khá	GV TOAN-THPT		7.56	9.00	76	317.60	
15	0073	Trần Văn Tự	10/07/1984	Nam	Kinh	CTB	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.14		50	242.80	
16	0074	Bùi Thị Tường	05/05/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-THPT	x	8.18		55	273.60	
17	0075	Nguyễn Thị Hồng Vân	22/03/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	6.98		75	289.60	
18	0076	Nguyễn Hải Yến	28/05/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.36				Bỏ thi
19	0077	Quách Thị Hải Yến	01/01/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT	x	7.44		75	298.80	
20	0078	Trần Hải Anh	08/05/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TBK	GV HOA-THPT		6.39	6.00	60	243.90	
21	0079	Vũ Việt Anh	20/08/1992	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.87		45	247.40	

Qv

Luong

Qv

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 03

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0080	Bùi Thị Ngọc Ánh	13/05/1993	Nữ	Kinh	CTB	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	8.20		65	294.00	
23	0081	Bùi Thị Ánh	15/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.01		60	260.20	
24	0082	Hoàng Thị Vân Chi	05/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.06		60	261.20	
25	0083	Phạm Kim Chi	18/10/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-THPT	x	6.15				Bỏ thi
26	0084	Trần Thị Thùy Chinh	30/12/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.34		80	306.80	
27	0085	Bùi Thành Công	05/12/1990	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT		7.56	8.50	60	280.60	
28	0086	Đinh Thị Diễm	24/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPT	x	8.33				Bỏ thi
29	0087	Phạm Trung Dũng	27/04/1989	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TBK	GV HOA-THPT		6.35	6.50	90	308.50	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)







SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 04

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0088	Bùi Thị Duyệt	29/08/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.52		50	250.40	
2	0089	Nguyễn Chung Đức	12/03/1991	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-THPT	x	6.77		39	213.40	
3	0090	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	20/09/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT		7.39	7.50	92.5	333.90	
4	0091	Nguyễn Thị Hạnh	08/03/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.76		63	281.20	
5	0092	Đinh Thị Hoa	23/01/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.28		40	225.60	
6	0093	Nguyễn Thu Hồng	04/06/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TBK	GV HOA-THPT	x	6.97				Bỏ thi
7	0094	Hoàng Thu Hương	18/12/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.43		35	218.60	
8	0095	Nguyễn Thị Khánh	25/08/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-THPT	x	6.32		62	250.40	
9	0096	Bùi Thị Linh	24/10/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPT	x	8.15		90	343.00	
10	0097	Lê Thùy Linh	02/11/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.74		35	224.80	
11	0098	Nguyễn Thị Thùy Linh	17/06/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPT	x	8.12				Bỏ thi
12	0099	Bùi Thị Linh	15/08/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-THPT	x	6.69		52.5	238.80	
13	0100	Ngô Thị Loan	05/06/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPT	x	8.16		70	303.20	
14	0101	Nguyễn Thanh Loan	09/05/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-THPT	x	6.62		53	238.40	
15	0102	Trương Thị Kim Loan	28/09/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.47		90	329.40	
16	0103	Lường Văn Long	15/04/1990	Nam	Tày	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-THPT	x	6.21		31	186.20	
17	0104	Nguyễn Đức Long	25/11/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TBK	GV HOA-THPT		6.27	7.50	50	237.70	
18	0105	Phan Thị Mơ	20/11/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Hóa học	Khá	GV HOA-THPT		7.09	8.00	35	220.90	
19	0106	Nguyễn Hà My	29/01/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.24		30	204.80	
20	0107	Khuông Văn Nam	05/10/1989	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-THPT	x	6.82		40	216.40	
21	0108	Dương Thu Nga	09/03/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.65		55	263.00	

Qv

Luuy

[Signature]

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

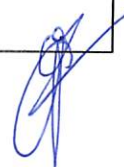
Phòng số: 04

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0109	Mai Thị Ngà	14/01/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.57				Bỏ thi
23	0110	Chu Kim Ngân	24/10/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPT		8.06	9.45	60	295.10	
24	0111	Bùi Thị Ngần	09/09/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.28		56	257.60	
25	0112	Vũ Thị Nhâm	21/01/1993	Nữ	Kinh	CBB	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.30		45	236.00	
26	0113	Nguyễn Đăng Nhân	08/02/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TBK	GV HOA-THPT		6.63	7.00	65	266.30	
27	0114	Ngô Hồng Nhung	16/12/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.07		90	321.40	
28	0115	Nguyễn Thị Quỳnh	05/03/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPT	x	8.11		88	338.20	
29	0116	Lê Thị Phương Thảo	31/12/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT		7.69	9.00	90	346.90	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)







SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 05

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chi	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0117	Nguyễn Thu Thảo	27/10/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.59		30	211.80	
2	0118	Trần Thị Phương Thảo	11/07/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TBK	GV HOA-THPT		6.36	6.25	60	246.10	
3	0119	Bùi Thị Thăm	02/12/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.56		70	291.20	
4	0120	Trần Thị Tâm Thu	09/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPT	x	7.99		38	235.80	
5	0121	Trần Thị Thu	18/09/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.44		50	248.80	
6	0122	Lê Văn Thuận	25/09/1991	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.55		27	205.00	
7	0123	Nguyễn Thị Thúy	07/08/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.78		72	299.60	
8	0124	Bùi Kiều Trang	12/03/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-THPT	x	6.43		35	198.60	
9	0125	Trương Thị Trang	25/02/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPT	x	8.18		80	323.60	
10	0126	Hà Thị Ước	17/02/1989	Nữ	Tày	DT	ĐH	Cử nhân Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.50		53	256.00	
11	0127	Bùi Thị Vân	13/12/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.30				Bỏ thi
12	0128	Bùi Thị Xuyên	07/02/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT	x	7.26		10	165.20	
13	0129	Đồng Thị Bay	27/08/1990	Nữ	Tày	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU-THPT	x	8.36		60	287.20	
14	0130	Đỗ Thị Cúc	23/10/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU-THPT	x	8.07		36	233.40	
15	0131	Bùi Thị Ánh Dương	21/01/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-THPT	x	7.90		41	240.00	
16	0132	Hồ Hải Đăng	02/02/1991	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-THPT	x	7.21		43	230.20	
17	0133	Dương Thị Thu Hường	06/04/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-THPT	x	7.90		52	262.00	
18	0134	Hà Văn Lực	07/05/1993	Nam	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU-THPT	x	8.16		35	233.20	
19	0135	Nguyễn Thị Kim Nhung	10/10/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-THPT	x	7.00		40	220.00	
20	0136	Bùi Thị Nương	08/12/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-THPT	x	7.53		50	250.60	
21	0137	Ngô Như Quỳnh	28/12/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU-THPT	x	7.90		90	338.00	

[Signature]

[Signature]

[Signature]

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 05

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0138	Đinh Thị Tâm	15/12/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-THPT		7.89	10.00	50	278.90	
23	0139	Nguyễn Thị Ngọc Thoa	19/11/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-THPT	x	7.85		0	157.00	
24	0140	Nguyễn Ngọc Thúy	28/07/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-THPT	x	7.64		50	252.80	
25	0141	Hà Thị Tình	26/02/1990	Nữ	Tày	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-THPT		7.75	8.50	0	162.50	
26	0142	Đinh Thị Tường Vi	20/10/1993	Nữ	Tày	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU-THPT	x	8.61		60	292.20	
27	0143	Nguyễn Thị Toàn	30/01/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục Thể chất	Khá	GV GDTC-THPT		7.11	7.00	51	243.10	
28	0144	Nguyễn Thị Tuyết	16/11/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Kỹ thuật	Khá	GV CN-THPT		7.51	6.80			Bỏ thi
29	0145	Nguyễn Thị Tuyết	20/09/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Kỹ thuật	Khá	GV CN-THPT		7.29	8.00	51	254.90	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 06

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0146	Nguyễn Thị Lan Anh	08/12/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.83		80	316.60	
2	0147	Đinh Thị Bắc	26/06/1984	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT		6.32	7.50	45	228.20	
3	0148	Bùi Thị Bích	22/12/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT		7.15	7.75			Bỏ thi
4	0149	Bùi Thị Hòa Bình	09/11/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPT	x	8.04		75	310.80	
5	0150	Phạm Thị Châu	05/06/1985	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT		6.82	10.00	74.25	316.70	
6	0151	Phạm Thị Duyên	04/09/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPT	x	8.30		30	226.00	
7	0152	Nguyễn Thị Thùy Dương	08/09/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Văn học	Khá	GV VAN-THPT	x	7.25		40	225.00	
8	0153	Bùi Thị Giang	19/05/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT		7.43	8.50	30	219.30	
9	0154	Bùi Thị Gương	15/01/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-THPT	x	6.58		45	221.60	
10	0155	Bùi Văn Hà	20/02/1989	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT		6.40	7.00	55	244.00	
11	0156	Phí Thị Ngọc Hà	09/11/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT		6.76	6.50			Bỏ thi
12	0157	Trịnh Thúy Hà	13/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-THPT	x	6.80		30	196.00	
13	0158	Nguyễn Hồng Hạnh	13/09/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT		6.92	7.50	60	264.20	
14	0159	Đinh Thanh Hiếu	27/11/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.52		45	240.40	
15	0160	Bùi Thị Thanh Hòa	15/06/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.73		45	244.60	
16	0161	Khà Thị Hòa	04/10/1991	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.29		80	305.80	
17	0162	Nguyễn Thị Hòa	02/07/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPT		8.04	9.00	60	290.40	
18	0163	K' Thị Hòn	01/04/1992	Nữ	Nôp	DT	ĐH	Văn học	Khá	GV VAN-THPT	x	7.32		75	296.40	
19	0164	Bùi Thanh Hương	13/01/1985	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT		6.38	7.50	55	248.80	
20	0165	Bùi Thị Thu Hương	20/11/1986	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT		6.41	7.00	75	284.10	
21	0166	Nguyễn Thị Lan Hương	07/03/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Văn - GD	Khá	GV VAN-THPT	x	7.96		65	289.20	

qr

luy

OK

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 06

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0167	Nguyễn Thị Mai Hương	10/06/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPT	x	8.16		97	357.20	
23	0168	Nguyễn Thị Thu Hương	05/06/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.38		70	287.60	
24	0169	Vũ Thị Quỳnh Hương	12/06/1990	Nữ	Kinh		Th.S	Lý luận văn học		GV VAN-THPT	x	8.10		55	272.00	
25	0170	Nguyễn Thị Hường	04/05/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.03		45	230.60	
26	0171	Nguyễn Thị Minh Khuyên	09/07/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT		6.76	7.00	50	237.60	
27	0172	Bùi Thị Mỹ Linh	01/09/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-THPT	x	6.33		30	186.60	
28	0173	Nguyễn Phương Linh	17/05/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	6.92		95	328.40	
29	0174	Nguyễn Thị Loan	16/06/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-THPT	x	6.47		45	219.40	
30	0175	Nguyễn Thị Luyến	19/08/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT		7.19	8.50	55	266.90	
31	0176	Lại Thị Lương	22/06/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.59		30	211.80	
32	0177	Đinh Thị Ly	28/04/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.53		80	310.60	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)







SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 07

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0178	Bùi Thị Mai	28/05/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.84		55	266.80	
2	0179	Đỗ Quỳnh Nga	19/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPT	x	8.34		30	226.80	
3	0180	Bùi Thị Nguyệt	07/03/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPT		8.01	8.50	80	325.10	
4	0181	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	28/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.68		45	243.60	
5	0182	Ngô Thị Thúy Nhân	22/08/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Văn học	Khá	GV VAN-THPT	x	7.47		45	239.40	
6	0183	Lý Thị Nhâm	08/02/1992	Nữ	Nùng	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.40		20	188.00	
7	0184	Quách Thị Nhâm	27/09/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.10		30	202.00	
8	0185	Nguyễn Thị Nhật	05/10/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPT	x	8.46		70	309.20	
9	0186	Nguyễn Ngọc Nhung	27/07/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-THPT	x	6.29		25	175.80	
10	0187	Bùi Văn Niên	06/10/1992	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.47		40	229.40	
11	0188	Mai Thị Oanh	10/02/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Văn - GD	Khá	GV VAN-THPT	x	7.43		60	268.60	
12	0189	Nguyễn Hồng Phương	02/11/1983	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPT		8.07	8.50	65	295.70	
13	0190	Vương Minh Phương	30/07/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.58		57	265.60	
14	0191	Nguyễn Thị Thu Quế	20/07/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	8.05		30	221.00	
15	0192	Xa Thị Quí	23/04/1992	Nữ	Tày	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.68		50	253.60	
16	0193	Bùi Thị Mai Sao	05/06/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Văn - GD	Khá	GV VAN-THPT	x	7.25		45	235.00	
17	0194	Bùi Thị Thao	18/06/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.79		60	275.80	
18	0195	Ngô Thị Thu Thảo	04/10/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.55		52	255.00	
19	0196	Bùi Thị Thơ	07/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.63		60	272.60	
20	0197	Bùi Thị Thu	26/08/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	6.94		48	234.80	
21	0198	Bùi Thị Thu	28/09/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Văn - GDC	Khá	GV VAN-THPT		7.44	8.50	40	239.40	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 07

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0199	Hoàng Thị Thủy	19/01/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT		6.66	6.75	37	208.10	
23	0200	Đào Thị Thúy	02/02/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.17				Bỏ thi
24	0201	Đỗ Thị Thương	21/01/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Văn - GD	Khá	GV VAN-THPT		7.75	10.00	70	317.50	
25	0202	Triệu Thị Tinh	26/01/1990	Nữ	Dao	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPT		7.93	10.00	65	309.30	
26	0203	Bùi Thị Trang	01/05/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPT		8.10	9.00	35	241.00	
27	0204	Nguyễn Ngọc Trâm	28/12/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.21		75	294.20	
28	0205	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	26/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT	x	6.74		91	316.80	
29	0206	Phạm Kim Tuyền	21/01/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT		7.33	8.00	60	273.30	
30	0207	Nguyễn Thị Vân	06/08/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT	x	7.73		75	304.60	
31	0208	Bùi Văn Xuân	27/07/1983	Nam	Mường	DT	ĐH	Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT		6.78	7.50	57	256.80	
32	0209	Vũ Thị Yên	10/05/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Văn học	Khá	GV VAN-THPT	x	7.58				Bỏ thi

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 08

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0210	Nguyễn Hoàng Anh	20/02/1987	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	TBK	GV ĐỊA-THPT		6.29	6.00	50	222.90	
2	0211	Bùi Thị Hồng Dung	28/05/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-THPT	x	8.08		45	251.60	
3	0212	Nguyễn Thị Đào	20/07/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT		7.75	9.00	50	267.50	
4	0213	Hà Thị Hoa	17/11/1993	Nữ	Dao	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-THPT	x	8.17		45	253.40	
5	0214	Khả Thị Loan	24/02/1993	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-THPT	x	8.43		65	298.60	
6	0215	Bùi Thị Nga	16/06/1985	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	TBK	GV ĐỊA-THPT		6.59	7.50			Bỏ thi
7	0216	Bùi Thị Hồng Thim	13/11/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-THPT	x	8.20		80	324.00	
8	0217	Bùi Hà Thu	28/08/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT	x	7.38		35	217.60	
9	0218	Hoàng Thị Thanh Thủy	28/11/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT	x	7.49		30	209.80	
10	0219	Ngô Minh Vương	05/12/1985	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT	x	7.58		40	231.60	
11	0220	Nguyễn Thị Hải Yến	27/08/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT		7.45	10.00	75	324.50	
12	0221	Giang Quỳnh Anh	16/01/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm GDCD-G	TBK	GV GDCD-THPT	x	6.88		50	237.60	
13	0222	Nguyễn Thị Thu Diệu	01/08/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm GDCD	Khá	GV GDCD-THPT	x	7.98		45	249.60	
14	0223	Nguyễn Thị Dịu	01/08/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm GDCD	Khá	GV GDCD-THPT	x	6.96		45	229.20	
15	0224	Bạch Thị Hà	07/05/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm GDCD	Giỏi	GV GDCD-THPT		8.00	9.40			Bỏ thi
16	0225	Trần Thị Hồng Hạnh	24/11/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm GDCD	Khá	GV GDCD-THPT		7.76	9.40	45	261.60	
17	0226	Bùi Thị Hằng	06/03/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm GDCD - G	Khá	GV GDCD-THPT	x	7.95		50	259.00	
18	0227	Vũ Thị Hiền	03/10/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm GDCD	Khá	GV GDCD-THPT		7.35	10.00	50	273.50	
19	0228	Vì Thị Hương	07/10/1989	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm GDCD-G	Khá	GV GDCD-THPT		7.31	7.75	30	210.60	
20	0229	Nguyễn Thị Quyên	11/03/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm GDCD	TBK	GV GDCD-THPT		6.83	7.50	85	313.30	
21	0230	Bùi Thị Thiên	15/09/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm GDCD	Giỏi	GV GDCD-THPT	x	7.95		55	269.00	

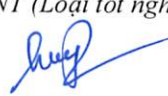
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 08

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0231	Nguyễn Thị Trang	15/07/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm GD CD	TBK	GV GD CD-THPT		6.62	5.50	40	201.20	
23	0232	Nguyễn Đức Anh	12/03/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TBK	GV ANH-THPT		6.46	7.00	60	254.60	
24	0233	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	24/09/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TBK	GV ANH-THPT		6.90	7.00	55	249.00	
25	0234	Trần Linh Chi	27/01/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Tiếng Anh	TB	GV ANH-THPT	x	6.08		45	211.60	
26	0235	Bùi Thị Như Chiêu	18/03/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT	x	6.81		40	216.20	
27	0236	Nguyễn Thị Cúc	19/07/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT	x	7.44		80	308.80	
28	0237	Nguyễn Thị Hạnh Đức	26/06/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TB	GV ANH-THPT	x	6.47		40	209.40	
29	0238	Nguyễn Thị Minh Hiền	20/07/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TB	GV ANH-THPT	x	6.68		35	203.60	
30	0239	Trần Thị Thu Hiền	04/08/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Ngôn ngữ Anh	Khá	GV ANH-THPT		7.02	7.75	50	247.70	
31	0240	Nguyễn Phương Hoa	11/10/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TB	GV ANH-THPT	x	6.87		95	327.40	
32	0241	Nguyễn Thanh Huyền	23/03/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT		7.24	9.49	90	347.30	
33	0242	Hoàng Thị Thu Hương	27/09/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Tiếng Anh	Giỏi	GV ANH-THPT		8.02	8.25	50	262.70	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 09

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chi	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0243	Lê Thị Bích Liên	20/09/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TBK	GV ANH-THPT		6.86	6.50			Bỏ thi
2	0244	Bùi Tuyết Liễu	12/10/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Tiếng Anh	TBK	GV ANH-THPT		6.48	7.50	31	201.80	
3	0245	Bùi Thị Mai	07/05/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT	x	7.36		60	267.20	
4	0246	Nguyễn Quỳnh Mai	02/11/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Tiếng Anh	TBK	GV ANH-THPT	x	6.36		40	207.20	
5	0247	Cần Văn Mạnh	25/08/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT		7.13	7.25	25	193.80	
6	0248	Lê Quỳnh Nga	10/10/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	GV ANH-THPT		8.00	9.00	85	340.00	
7	0249	Kiều Thị Thúy Ngân	09/05/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT	x	7.85		71	299.00	
8	0250	Bùi Thị Soi Ngần	02/11/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT		7.18	5.92	45	221.00	
9	0251	Đinh Thị Nhất	05/05/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT	x	7.34		45	236.80	
10	0252	Nguyễn Thị Phương	31/08/1980	Nữ	Kinh		Th.S	LL&PP giảng dạy T	Giỏi	GV ANH-THPT	x	7.29		25	195.80	
11	0253	Trần Thị Phương	05/03/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT						Bỏ thi
12	0254	Đinh Thị Quyên	01/03/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Ngôn ngữ Anh	Khá	GV ANH-THPT	x	7.09		25	191.80	
13	0255	Hà Thị Thanh	18/09/1989	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT		7.28	7.00	73	288.80	
14	0256	Nguyễn Thị Như Thảo	27/12/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT	x	7.35		46	239.00	
15	0257	Bùi Thị Minh Thùy	03/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT	x	7.18		53	249.60	
16	0258	Đinh Thị Huyền Trang	01/10/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT	x	7.30		52	250.00	
17	0259	Nguyễn Thị Thu Trang	29/10/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Tiếng Anh	Giỏi	GV ANH-THPT		8.06	7.75	90	338.10	
18	0260	Nguyễn Tuấn Anh	08/03/1992	Nam	Mường	DT	ĐH	Tin học Ứng dụng	TBK	GV TIN-THPT		6.27	6.67	80	289.40	
19	0261	Bùi Anh Đức	08/02/1985	Nam	Mường	DT	ĐH	Công nghệ Thông tin	Khá	GV TIN-THPT		7.12	8.40	50	255.20	
20	0262	Bùi Thị Giang	09/01/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Kỹ sư CNTT	Khá	GV TIN-THPT	x	7.29		60	265.80	
21	0263	Hà Văn Hùng	02/07/1989	Nam	Thái	DT	ĐH	Kỹ sư CNTT	TBK	GV TIN-THPT		6.54	8.40	55	259.40	

Ch

Lu

Ch

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 09

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0264	Tạ Thị Ngọc	17/08/1991	Nữ	Kinh	CBB	ĐH	Sư phạm Tin học	TB	GV TIN-THPT	x	6.26				Bỏ thi
23	0265	Bùi Văn Thứ	12/11/1989	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tin học	Giỏi	GV TIN-THPT		8.07	8.50	75	315.70	
24	0266	Bùi Thị Toan	20/02/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Kỹ sư CNTT	Khá	GV TIN-THPT	x	7.31		80	306.20	
25	0267	Bùi Quang Trung	21/03/1990	Nam	Mường	DT	ĐH	Kỹ sư CNTT	TBK	GV TIN-THPT		6.83	8.30	40	231.30	
26	0268	Bùi Văn Chuẩn	13/05/1993	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-THPT	x	7.38		50	247.60	
27	0269	Lý Văn Hạnh	08/02/1992	Nam	Dao	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	NV TBTN-THPT	x	7.72		55	264.40	
28	0270	Triệu Thị Huệ	04/03/1993	Nữ	Nùng	DT	ĐH	Sư phạm Hóa - Sinh	TB	NV TBTN-THPT	x	6.60		40	212.00	
29	0271	Bùi Thị Lặng	02/01/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-THPT		7.26	8.50	18	193.60	
30	0272	Bùi Thị Mai	23/05/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-THPT	x	7.08		35	211.60	
31	0273	Bùi Thúy Mỹ	01/10/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	NV TBTN-THPT	x	7.54		60	270.80	
32	0274	Nguyễn Thị Bích Phương	03/03/1990	Nữ	Kinh	CBB	ĐH	Sư phạm Sinh học	TBK	NV TBTN-THPT		6.91	8.50	65	284.10	
33	0275	Bùi Thị Thanh	20/05/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	NV TBTN-THPT	x	8.13		50	262.60	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chi (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2015

Phòng số: 10

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chi	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0276	Phàng A Cha	11/01/1992	Nam	H'Mông	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-DTNT	x	6.43		60	248.60	
2	0277	Nguyễn Thị Kim Cúc	03/02/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-DTNT	x	6.11		90	302.20	
3	0278	Nguyễn Thu Trang	30/08/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-DTNT		6.07	5.75	65	248.20	
4	0279	Vũ Thị Huyền Trang	21/09/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TB	GV ANH-DTNT T	x	6.68		70	273.60	
5	0280	Nguyễn Thị Thương Hiền	05/08/1987	Nữ	Kinh	DC	ĐH	Kế toán	Khá	NV TQVT-DTNT		6.43	8.75	40	231.80	
6	0281	Lê Thị Hồng	20/11/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NV TQVT-DTNT		6.61	8.00	85	316.10	
7	0282	Đỗ Thị Huyền	26/04/1993	Nữ	Kinh		CĐ	Kế toán	Khá	NV TQVT-DTNT	x	7.04		50	240.80	
8	0283	Nguyễn Thị Hạnh	15/07/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Tâm lý Giáo dục	Giỏi	GV TLGD-CĐSP	x	8.12		45	252.40	
9	0284	Nguyễn Thị Hương May	17/09/1986	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm TLGD	Khá	GV TLGD-CĐSP		7.65	9.50	60	291.50	
10	0285	Vũ Thị Hương Trà	19/11/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	GV KT-CĐ KTKT		7.41	6.50	65	269.10	
11	0286	Đinh Đức Ân	03/12/1992	Nam	Mường	DT	ĐH	Kỹ sư CNTT	TB	GV CNTT-CĐ KT	x	6.53		60	250.60	
12	0287	Bùi Thị Chinh	10/05/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh - Hóa	Khá	NV TBTN-CĐ KT	x	7.35		0	147.00	
13	0288	Vũ Thị Thu Hằng	13/12/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-CĐ KT	x	7.49		45	239.80	
14	0289	Hà Công Mạnh	21/10/1993	Nam	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-CĐ KT	x	7.99		50	259.80	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chi (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)